

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TÂY
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày 14-7-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hai.

2. Ông Nguyễn Thanh Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi đưa ra xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST – HS ngày 26/6/2020, đối với bị cáo:

Họ tên: **Đinh Văn T**, sinh năm: 1986, tại xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; trú tại: Thôn TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kdong; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: có 01 tiền án; Con ông: Đinh Văn N, sinh năm: 1955 và bà Đinh Thị X, sinh năm 1961; có vợ tên: Đinh Thị V và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2004; bị bắt ngày 11 tháng 2 năm 2020. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện ST từ 05/5/2020. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Trần Việt Ngữ - TGVPL thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ: 108 Phan Đình Phùng, Tp Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số: 295/QĐ-TGPL ngày 04/10/2019 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Thôn HM, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn B - Trưởng trạm;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Minh Đ - Phó trưởng trạm, theo văn bản ủy quyền số 16a/GUQ-TrQLBVR ngày 7/4/2020 của trưởng trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ủy ban nhân dân xã Sơn Lập, địa chỉ: Thôn MT, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn D – Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn H – Phó chủ tịch, theo giấy ủy quyền số 26/GUQ-UBND ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND xã SL. Có mặt

+ Ông Lê Minh T, sinh năm: 1981; Địa chỉ: xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi công tác: Hạt kiểm lâm huyện ST; Có mặt.

+ Ông Lê Văn N, sinh năm: 1982; Địa chỉ: xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi công tác: Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, tỉnh Quảng; Có mặt.

+ Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1993, Địa chỉ: Thôn TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

- *Người phiên dịch:* bà Đinh Thị B, sinh năm: 1984, Địa chỉ: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 01 năm 2020, bị cáo Đinh Văn T, sinh năm: 1986, trú tại TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi mang theo rựa, cưa đến khu vực rừng phòng hộ thuộc tiểu khu 182, thôn TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi để phát dọn thực bì, dây leo (*còn gọi là phát luống*) và chặt phá, cưa hạ cây keo và cây dầu rái để lấy đất canh tác, trồng lúa, mì. Bị cáo T đã phát luống, cưa hạ cây rừng ở 02 vị trí liên tiếp trong vòng 03 đến 05 ngày tại lô 19 (*vị trí thứ nhất*) và cũng lô 19 (*vị trí thứ hai*) tiểu khu 182, thôn TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi theo bản đồ diễn biến rừng năm 2018,

Ngày 04/02/2020, Hạt kiểm lâm huyện ST đã kiểm tra, phát hiện và lập biên bản đối với diện tích rừng phòng hộ bị thiệt hại tại các lô nói trên. Hạt kiểm lâm huyện ST, tiến hành xác minh làm rõ vụ việc, xác định hành vi của Đinh Văn T chặt phá rừng, gây thiệt hại 93 cây keo và 02 cây Dầu Rái rừng trên tổng diện tích rừng phòng hộ thiệt hại là 8.000m². Cụ thể, tại vị trí số 01: 3.300m², vị trí số 02: 4.700m². Hạt kiểm lâm huyện ST đã kiến nghị đến cơ quan CSĐT Công an huyện ST đề nghị khởi tố vụ án xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Bản Kết luận giám định tư pháp số 102a/CCKL-GĐTP ngày 26/02/2020, Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Vị trí rừng bị thiệt hại thuộc Lô 19, Khoảnh 1, Tiểu khu 182, thôn TN, xã SL, huyện ST (*Theo bản đồ diễn biến rừng năm 2019 huyện ST*); Tổng diện tích rừng bị phá: 8.000m² (*tám ngàn mét vuông*), trong đó: vị trí phá rừng số 01: 3.300m² (*ba ngàn ba trăm mét vuông*), vị trí số 02: 4.700m² (*bốn ngàn bảy trăm mét vuông*). Loại rừng: Rừng trồng quy hoạch cho lâm nghiệp; Chức năng:

Phòng hộ đầu nguồn; Chủ quản lý: Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi, nay là Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST trực tiếp quản lý.

Tại bản Kết luận định giá số 01/HĐĐG ngày 14/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện ST kết luận: Giá trị quyền sử dụng rừng bị thiệt hại là 83.135.425 đồng (*tám mươi ba triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*); Tổng trị giá tài sản gỗ bị thiệt hại là: 10.094.056 đồng (*mười triệu không trăm chín mươi bốn nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*).

Toàn bộ phần diện tích rừng nêu trên đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Dự án đầu tư rừng trồng phòng hộ đầu nguồn tỉnh Quảng Ngãi, nguồn vốn vay JBIC giai đoạn 2002 – 2010 theo Quyết định số 2240/QĐ-UB ngày 12/8/2002; Ngày 14/6/2004, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 154/2004/QĐ-UBND về phê duyệt quy hoạch phát triển lâm nghiệp. Ngày 09/8/2004, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định số 1867/QĐ-CT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật Thi công và dự toán trồng và chăm sóc rừng phòng hộ đầu nguồn JBIC. Ngày 13/01/2012 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND, giao toàn bộ diện tích rừng cho BQL RPHĐN TN nay là Trạm quản lý, bảo vệ rừng huyện SH quản lý. Ngày 26/12/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi đã cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BR019908 (vào sổ số CT03959) cho BQL RPHĐN TN. Ngày 15/4/2019, toàn bộ diện tích rừng này được giao lại cho Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi và do Trạm quản lý, bảo vệ rừng huyện ST trực tiếp quản lý.

Tại Bản cáo trạng số 249/CT-VKS-HS, ngày 08/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tây truy tố bị cáo Đinh Văn T về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của BLHS và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận. Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Đinh Văn T về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của BLHS và căn cứ vào tính chất, nhân thân và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo T. Kiểm sát viên đề nghị rút tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51, tiếp tục đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 243; điểm s khoản 1, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS để xử phạt bị cáo T từ 4 (bốn) năm đến 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Hủy hoại rừng” và tổng hợp hình phạt bản án số 02/HSST ngày 9/1/2020 của TAND huyện ST.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu và tiêu hủy gồm:

+ 01 (một) máy cưa đã qua sử dụng (không có gắn lam xích) nhãn hiệu YATAKA CS5991, màu cam, dài 40cm; rộng 13cm; cao 21cm (không kiểm tra tình trạng bên trong).

+ 01 (một) cái lam cưa máy bằng kim loại, đã qua sử dụng, lam dài 58,5cm; nơi rộng nhất 7,5cm; dài 0,4cm (bị rỉ sắt).

+ 01 (một) dây xích cửa máy bằng kim loại, đã qua sử dụng, có tổng chiều dài 136cm (bị rỉ sắt).

+ 01 (một) cái rựa đã qua sử dụng, chiều dài 54cm. Cán bằng gỗ, dài 25,5 cm; đường kính cán rựa 03cm. Lưỡi bằng kim loại có mấu dài 28,5cm; nơi rộng nhất của lưỡi 03cm. Là công cụ của bị cáo T dùng vào việc phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với vật chứng: 93 cây Keo, 02 cây Dầu Rái bị chặt phá, trong quá trình giải quyết vụ việc, cơ quan chức năng đã giao số vật chứng này cho Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST bảo quản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự tuyên chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của Nguyên đơn dân sự tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST. Tuy nhiên người bào chữa cho rằng bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243; điểm s khoản 1, Điều 51 của BLHS để xử phạt bị cáo T mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị là 4 (bốn) năm tù, miễn án phí cho bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo T đồng ý với quan điểm của người bào chữa trong phiên tòa và không có ý kiến tranh luận.

Đại diện nguyên đơn dân sự: ông Bùi Minh Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền để khắc phục thiệt hại tổng cộng là 26.976.000 đồng (*hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*), các vấn đề khác đều thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo T là xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện ST, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Vào khoảng cuối tháng 01 năm 2020 (*bị cáo không nhớ ngày*), Bị cáo Đinh Văn T, sinh năm: 1986, trú tại TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi đã mang theo rựa, máy cưa đến khu vực rừng phòng hộ JBIC thuộc tiểu khu 182, thôn TN, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi để phát dọn thực bì, dây leo (*phát luống*) và chặt phá, cưa hạ cây rừng để lấy đất canh tác, gây thiệt hại tổng diện tích rừng phòng hộ là 8.000m². Giá trị quyền sử dụng rừng bị thiệt hại là 83.135.425 đồng (*tám mươi ba triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*); Tổng trị giá tài sản gỗ bị thiệt hại là: 10.094.056 đồng (*mười triệu không trăm chín mươi bốn nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*).

Diện tích rừng phòng hộ mà bị cáo T chặt phá đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Dự án đầu tư rừng trồng phòng hộ đầu nguồn tỉnh Quảng Ngãi có chức năng Phòng hộ đầu nguồn TN do Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện Sơn Tây trực tiếp quản lý theo Quyết định số 2240/QĐ-UB ngày 12/8/2002; Quyết định số 154/2004/QĐ-UBND ngày 14/6/2004 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành về phê duyệt quy hoạch phát triển lâm nghiệp. Quyết định số 1867/QĐ-CT ngày 09/8/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán trồng, chăm sóc rừng phòng hộ đầu nguồn JBIC. Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 13/01/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao toàn bộ diện tích rừng cho BQL RPHĐN TN, biên bản bàn giao ngày 15/4/2019 của ban quản lý bảo vệ rừng đầu nguồn TN và Ban quản lý bảo vệ rừng huyện ST.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người đại diện nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào diện tích đất rừng phòng hộ bị thiệt hại, hành vi của bị cáo đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Đinh Văn T phạm tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Đinh Văn T về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phá rừng phòng hộ của bị cáo T có tính chất nghiêm trọng, bị cáo Đinh Văn T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phá rừng phòng hộ là hành vi vi phạm pháp luật. Thời điểm phạm tội bị cáo đang trong thời gian chờ đi thi hành án theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HSST ngày 09/01/2020, như vậy dù đã bị kết án tù về tội “Hủy hoại rừng”, nhưng bị cáo ngang nhiên, không chấp hành quy định của pháp luật, không ăn năn hối cải mà vẫn tiếp tục hành vi phá rừng phòng hộ để lấy đất sản xuất, gây tổng thiệt hại là 8.000m² rừng phòng hộ.

Hành vi của bị cáo là thể hiện sự ngoan cố, bất chấp quy định của pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh

vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước, làm xâm hại đến sự bền vững và ổn định của môi trường sinh thái.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục, răn đe bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đồng thời góp phần nâng cao ý thức bảo vệ rừng trong nhân dân.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bản thân gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo lại là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 của BLHS. Chấp nhận đề nghị rút tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 của kiểm sát viên.

+ Tình tiết tăng nặng: không, mặc dù kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng là (tái phạm) qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phá rừng vào cuối tháng 01 (không rõ ngày cụ thể) năm 2019, ngày 4/2/2020 phát hiện lập biên bản, vậy thời điểm này bản án số 02/2020/HSST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện ST chưa có hiệu lực pháp luật nên không xem hành vi phạm tội này là tái phạm. Vì vậy hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng (tái phạm) qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS của kiểm sát viên.

[5] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt truy tố, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tổng hợp hình phạt đối với bị cáo cũng như các vấn đề về vật chứng, bồi thường dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[6] Đối với lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ căn cứ nên chấp nhận.

[8] Đối với Đinh Văn T1 mặc dù có đi mua cưa giúp cho bị cáo Đinh Văn T1 không biết bị cáo sẽ dùng cưa đó để chặt phá rừng phòng hộ. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện ST không truy cứu trách nhiệm đối với Đinh Văn T1 là có cơ sở.

[9] Đối với Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện Sơn Tây, Ủy ban nhân dân xã SL, ông Lê Minh T (*cán bộ Kiểm lâm địa bàn*), ông Lê Văn N (*cán bộ ban quản lý bảo vệ rừng phòng hộ*) là cá nhân được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý rừng phòng hộ, tại tiểu khu 182, thôn TN, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi. Do công tác quản lý, bảo vệ rừng lỏng lẻo, thiếu sát sao nên khi bị cáo phá rừng trong suốt từ 3 đến 5 ngày nhưng không phát hiện và xử lý kịp thời.

Hội đồng xét xử đề nghị Ủy ban nhân dân huyện ST, Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, Hạt kiểm lâm huyện Sơn Tây, UBND xã SL tiến hành đưa ra kiểm điểm nghiêm túc, chấn chỉnh kịp thời nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý và bảo vệ rừng đối với các cơ quan, cá nhân để xảy ra tình trạng phá rừng ở địa phương, tăng

cường công tác tuyên truyền, thường xuyên đôn đốc kiểm tra đối với những khu vực rừng phòng hộ thuộc sự quản lý của mình.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Nguyên đơn dân sự ông Bùi Minh Đ yêu cầu bị cáo Đinh Văn T bồi thường chi phí khắc phục thiệt hại. Một là đầu tư trồng và chăm sóc rừng là 24.976.138 đồng (*Hai mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm ba mươi tám đồng*). Hai là chi phí đầu tư cho công tác khoán bảo vệ rừng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Tổng số tiền nguyên đơn dân sự yêu cầu là 26.976.138 đồng làm tròn số là 26.976.000 đồng (*hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*), ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này hợp lý, phù hợp pháp luật nên căn cứ vào Điều 584, 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận yêu cầu bồi thường dân sự của nguyên đơn dân sự.

Đối với số tiền thanh lý gỗ là 10.094.056 đồng do hủy hoại rừng đã giao cơ quan kiểm lâm xử lý theo thẩm quyền, không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX cần tuyên tịch thu và tiêu hủy vật chứng là công cụ phạm tội gồm:

- 01 (một) máy cưa đã qua sử dụng (không có gắn lam xích) nhãn hiệu YATAKA CS5991, màu cam, dài 40cm; rộng 13cm; cao 21cm;

- 01 (một) cái lam cưa máy bằng kim loại, đã qua sử dụng, lam dài 58,5cm; nơi rộng nhất 7,5cm; dài 0,4cm (bị rỉ sắt).

- 01 (một) dây xích cưa máy bằng kim loại, đã qua sử dụng, có chiều dài 136cm (bị rỉ sắt).

- 01 (một) cái rựa đã qua sử dụng, chiều dài: 54cm. Cán bằng gỗ, dài 25,5cm; đường kính cán rựa 03cm. Lưỡi bằng kim loại có mấu dài 28,5cm; nơi rộng nhất của lưỡi 03cm.

[12] Về án phí: Bị cáo Tlà người dân tộc thiểu số, ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn giảm tiền án phí, nên căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn nộp tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 243, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn T phạm tội: “*Hủy hoại rừng*”;

Xử phạt: Đinh Văn T 4 năm tù. Tổng hợp hình phạt 36 tháng tù của bản án số 02/2020/HS-ST ngày 09/01/2020 của TAND huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, buộc bị cáo

phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 2 năm 2020

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên buộc Bị cáo Đinh Văn T phải có trách nhiệm bồi thường chi phí khắc phục thiệt hại cho Nguyên đơn dân sự là Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST cụ thể như sau: chi phí đầu tư trồng và chăm sóc rừng là 24.976.138 đồng (*Hai mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm ba mươi tám đồng*) chi phí khoán bảo vệ rừng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Tổng số tiền Bị cáo Đinh Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn dân sự là 26.976.138 đồng làm tròn số là 26.976.000 đồng (*hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*)

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Tuyên tịch thu và tiêu hủy gồm: - 01 (một) máy cưa đã qua sử dụng (không có găng lam xích) nhãn hiệu YATAKA CS5991, màu cam, dài 40cm; rộng 13cm; cao 21cm. - 01 (một) cái lam cưa máy, dài 58,5cm; nơi rộng nhất 7,5cm; dài 0,4cm. - 01 (một) dây xích cưa máy đã qua sử dụng, chiều dài 136cm. - 01 (một) cái rựa đã qua sử dụng, chiều dài 54cm. Cán bằng gỗ; lưỡi dài 28,5cm; nơi rộng nhất của lưỡi 03cm. đây là những công cụ của bị cáo Đinh Văn T dùng vào việc phạm tội.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đinh Văn T được miễn nộp tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện ST;
- Công an huyện ST (CSĐT, THAHS);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THA dân sự huyện ST;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã SL;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thị Ánh Tuyết